

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4178** /TCT-CS
V/v một số nội dung của
Thông tư số 68/2019/TT-
BTC về hóa đơn điện tử khi
bán hàng hóa, cung cấp dịch
vụ

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29/11/2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 3/6/2008 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Luật kế toán ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29/11/2015;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;

Ngày 30/9/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Để tạo điều kiện cho công tác triển khai, tuyên truyền, Tổng cục Thuế giới thiệu một số nội dung của Thông tư số 68/2019/TT-BTC (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

Đề nghị các Cục Thuế khẩn trương tuyên truyền, phổ biến và tổ chức tập huấn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ và cá nhân kinh doanh trên địa bàn quản lý. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Cục thuế kịp thời tổng hợp, phản ánh về Tổng cục Thuế để được hướng dẫn thực hiện. /.

Nơi nhận: /

- Như trên;
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng;
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu: VT, CS (3).*g*

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thế Mạnh

TỔNG CỤC THUẾ

Phụ lục

GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA THÔNG TƯ SỐ 68/2019/TT-BTC NGÀY 30/9/2019 CỦA BỘ TÀI CHÍNH VỀ HÓA ĐƠN BÁN HÀNG HÓA, CUNG CẤP DỊCH VỤ

*(Ban hành kèm theo công văn số 4178/TCT-CS ngày 15/10/2019
của Tổng cục Thuế)*

1. Về nội dung hóa đơn điện tử

a) *Nội dung hóa đơn điện tử*: về cơ bản giống nội dung hóa đơn giấy đã được hướng dẫn tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và có bổ sung thêm chỉ tiêu: Mã của cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế; Phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và nội dung khác liên quan (nếu có). Riêng ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn theo hướng dẫn khoản 1 Điều 3 Thông tư số 68/2019/TT-BTC thì:

- Ký hiệu mẫu số hóa đơn là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4 để phản ánh loại hóa đơn như: hóa đơn giá trị gia tăng; hóa đơn bán hàng; Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử; các loại hóa đơn khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định.

- Ký hiệu hóa đơn: là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn để phản ánh các thông tin như sau:

+ Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K: C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

+ Hai ký tự tiếp theo là 2 chữ số Ả rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch.

+ Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T hoặc D hoặc L hoặc M thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng, cụ thể: (i) Chữ T: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử do các doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng với cơ quan thuế; (ii) Chữ D: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử đặc thù không nhất thiết phải có một số tiêu thức do các doanh nghiệp, tổ chức đăng ký sử dụng; (iii) Chữ L: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh; (iv) Chữ M: Áp dụng đối với hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền.

+ Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý, trường hợp không có nhu cầu quản lý thì để là YY.

b) *Về chữ ký số, chữ ký điện tử của người bán- người mua*:

Trường hợp người bán là doanh nghiệp, tổ chức thì chữ ký số của người bán trên hóa đơn là chữ ký số của doanh nghiệp, tổ chức; trường hợp người bán là cá

nhân thì sử dụng chữ ký số của cá nhân hoặc người được ủy quyền. Một số trường hợp đặc thù trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký người bán.

Trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua trừ trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh và người mua, người bán có thỏa thuận về việc người mua đáp ứng các điều kiện kỹ thuật để ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử do người bán lập thì hóa đơn điện tử có chữ ký số, ký điện tử của người bán và người mua theo thỏa thuận giữa hai bên.

c) Về thời điểm lập hóa đơn điện tử: Xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm và phù hợp với thời điểm lập hóa đơn điện tử theo quy định.

d) Về các nội dung khác trên hóa đơn điện tử: Ngoài nội dung nêu trên, doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh có thể tạo thêm thông tin về biểu trưng hay logo để thể hiện nhãn hiệu, thương hiệu hay hình ảnh đại diện của người bán.

Đối với hoá đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.

2. Một số trường hợp hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung

Tại Thông tư số 68/2019/TT-BTC có hướng dẫn hóa đơn không nhất thiết có đầy đủ các nội dung trong 7 trường hợp cụ thể:

- Hóa đơn điện tử bán hàng tại siêu thị, trung tâm thương mại mà người mua là cá nhân không kinh doanh;
- Hóa đơn điện tử bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh;
- Hóa đơn điện tử là tem, vé, thẻ;
- Chứng từ điện tử dịch vụ vận tải hàng không xuất qua website và hệ thống thương mại điện tử được lập theo thông lệ quốc tế cho người mua là cá nhân không kinh doanh được xác định là hóa đơn điện tử;
- Hóa đơn của hoạt động xây dựng, lắp đặt; hoạt động xây nhà để bán có thu tiền theo tiến độ theo hợp đồng;
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử;
- Hóa đơn sử dụng cho thanh toán Interline giữa các hãng hàng không được lập theo quy định của Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.

3. Định dạng hóa đơn điện tử

- Định dạng hóa đơn điện tử sử dụng ngôn ngữ định dạng văn bản XML (XML là chữ viết tắt của cụm từ tiếng Anh "eXtensible Markup Language" được tạo ra với mục đích chia sẻ dữ liệu điện tử giữa các hệ thống công nghệ thông tin), bao gồm hai thành phần: Thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hoá đơn điện tử và thành phần chứa dữ liệu chữ ký số (đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan

thuế thì có thêm thành phần chứa dữ liệu liên quan đến mã cơ quan thuế).

- Tổng cục Thuế xây dựng và công bố thành phần chứa dữ liệu nghiệp vụ hoá đơn điện tử, thành phần chứa dữ liệu chữ ký số và cung cấp công cụ hiển thị các nội dung của hoá đơn điện tử theo quy định.

- Điều kiện chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế bằng hình thức gửi trực tiếp phải đáp ứng yêu cầu sau:

i) Kết nối với Tổng cục Thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3, gồm 1 kênh truyền chính và 1 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 5 Mbps.

ii) Sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc Message Queue (MQ) có mã hóa làm phương thức để kết nối.

iii) Sử dụng giao thức SOAP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu.

4. Về việc áp dụng hóa đơn điện tử

Các trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

Đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế thì các lĩnh vực được xác định theo ngành kinh tế cấp 4 theo Danh mục hệ thống ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 7/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Các trường hợp rủi ro cao về thuế sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế

Doanh nghiệp thuộc loại rủi ro cao về thuế là doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu dưới 15 tỷ đồng và có một trong tám (08) dấu hiệu nêu tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 68/2019/TT-BTC thì sử dụng hóa đơn điện tử có mã của Cơ quan thuế trong 12 tháng hoạt động liên tục.

Cơ quan thuế quản lý trực tiếp có trách nhiệm thông báo cho doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc loại rủi ro cao về thuế (thông báo theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP) chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế. Sau thời gian 12 tháng, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp rủi ro nếu được cơ quan thuế qua rà soát xác định không rủi ro, đáp ứng được điều kiện sử dụng hoá đơn điện tử không có mã của Cơ quan thuế, và có đề nghị sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của Cơ quan thuế thì thực hiện đăng ký sử dụng hoá đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế theo quy định.

6. Sử dụng hóa đơn điện tử có mã theo từng lần phát sinh

Tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 68/2019/TT-BTC quy định:

- Hóa đơn điện tử có mã cấp theo từng lần phát sinh gồm: hóa đơn điện tử bán hàng và hóa đơn điện tử giá trị gia tăng.

- Bốn (04) trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh là hóa đơn bán hàng.

- Hai (02) trường hợp được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo

từng lần phát sinh là hóa đơn giá trị gia tăng.

Tổ chức, doanh nghiệp, hộ, cá nhân thuộc diện được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh gửi đơn đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế đến cơ quan thuế và phải khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế, phí khác (nếu có) trước khi được cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

7. Về việc sử dụng hóa đơn điện tử đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ

Theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 6 Thông tư số 68/2019/TT-BTC thì trường hợp xuất khẩu hàng hóa hay ủy thác xuất khẩu hàng hóa đều phải sử dụng sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử, cụ thể như sau:

- Trường hợp cơ sở kinh có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu), khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử theo quy định làm chứng từ lưu thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng cho hàng hóa xuất khẩu.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh ủy thác xuất khẩu hàng hóa: Khi xuất hàng giao cho cơ sở nhận ủy thác, cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển điện tử. Khi hàng hóa đã thực xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan, căn cứ vào các chứng từ đối chiếu, xác nhận về số lượng, giá trị hàng hóa thực tế xuất khẩu của cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu, cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu lập hóa đơn điện tử. Cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu sử dụng hóa đơn điện tử để xuất cho khách hàng nước ngoài.

8. Về các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế

Theo quy định tại Điều 9 và Điều 15 Thông tư số 68/2019/TT-BTC, các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế bao gồm:

- Các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, cụ thể:

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh;

+ Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

- Các trường hợp khác được hướng dẫn tại Thông tư số 68/2019/TT-BTC như sau:

+ Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

+ Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

+ Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã sau khi thông báo với cơ quan thuế về việc tiếp tục kinh doanh hoặc được cơ quan thuế khôi phục mã số thuế, được bãi bỏ quyết định cưỡng chế nợ thuế.

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh cần có hóa đơn điện tử giao cho người mua để thực hiện các hợp đồng đã ký trước ngày cơ quan thuế có thông báo tạm ngừng kinh doanh có văn bản thông báo với cơ quan thuế được tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh.

9. Về việc xử lý hóa đơn điện tử có mã/hóa đơn điện tử không mã có sai sót

Tại Điều 11 và Điều 17 Thông tư số 68/2019/TT-BTC quy định:

- Đối với hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chưa gửi cho người mua thì người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP về việc hủy hóa đơn điện tử có mã đã lập có sai sót và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới, ký số, ký điện tử gửi cơ quan thuế để cấp mã hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã lập để gửi cho người mua. Cơ quan thuế thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót lưu trên hệ thống của cơ quan thuế.

- Trường hợp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc chưa có mã của cơ quan thuế đã gửi cho người mua phát hiện có sai sót:

+ Trường hợp hóa đơn điện tử đã gửi cho người mua phát hiện có sai sót về tên, địa chỉ nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai sót thì không phải lập hóa đơn thay thế;

+ Trường hợp hóa đơn điện tử đã gửi có sai về mã số thuế, về số tiền ghi

trên hóa đơn, sai về thuế suất, tiền thuế, hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn không đúng quy cách, chất lượng thì các bên lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót và người bán lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới thay thế cho hóa đơn điện tử đã lập.

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử đã được cấp mã có sai sót hoặc phát hiện hóa đơn điện tử không mã đã lập có sai sót sau khi gửi cơ quan thuế thì cơ quan thuế thông báo cho người bán để người bán kiểm tra sai sót và đề lập lại hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn điện tử đã lập có sai sót (nếu cần thay thế).

10. Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đến cơ quan thuế

Điều 16 Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn phương thức, thời điểm và hình thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đến cơ quan thuế như sau:

a) Về phương thức chuyển dữ liệu:

- *Phương thức chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử* theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử (theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 68/2019/TT-BTC) áp dụng đối với bốn (04) trường hợp sau:

+ Cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực: bảo hiểm, tài chính ngân hàng, vận tải hàng không;

+ Bán hàng hóa là điện, nước sạch nếu có thông tin về mã khách hàng hoặc mã số thuế của khách hàng;

+ Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ đến người tiêu dùng là cá nhân mà trên hóa đơn không nhất thiết phải có tên, địa chỉ người mua theo quy định;

+ Bán xăng dầu đến người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh thì người bán tổng hợp dữ liệu tất cả các hóa đơn bán hàng cho người tiêu dùng là cá nhân không kinh doanh trong ngày theo từng mặt hàng để thể hiện trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử.

- *Phương thức chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn* áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc đối tượng được quy định chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử nêu trên.

b) Về thời điểm chuyển

- Trường hợp thuộc đối tượng chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử thì gửi cơ quan thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Trường hợp thuộc đối tượng chuyển đầy đủ nội dung hóa đơn thì người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế.

c) Về hình thức chuyển dữ liệu

- *Hình thức gửi trực tiếp*: Các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định sẽ được lựa chọn để thông báo về việc kết nối kỹ thuật để chuyển dữ liệu hóa đơn

trực tiếp đến Cơ quan thuế.

- *Hình thức gửi thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ* hóa đơn điện tử: Các doanh nghiệp khác gửi dữ liệu hóa đơn điện tử thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử (theo hợp đồng ký kết giữa các bên) để tổ chức này gửi tiếp đến cơ quan thuế.

11. Về xử lý sự cố khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã

Tại Điều 12 Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn xử lý sự cố trong 3 trường hợp:

- Trường hợp hệ thống cấp mã của cơ quan thuế gặp sự cố, Tổng cục Thuế thực hiện các giải pháp kỹ thuật chuyển sang hệ thống dự phòng và có trách nhiệm thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về các sự cố nêu trên.

- Trường hợp do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử có trách nhiệm thông báo cho người bán được biết, phối hợp với Tổng cục Thuế để được hỗ trợ kịp thời. Tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử phải khắc phục nhanh nhất sự cố, có biện pháp hỗ trợ người bán lập hóa đơn điện tử để gửi cơ quan thuế cấp mã trong thời gian ngắn nhất.

- Trường hợp người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế nhưng gặp sự cố dẫn đến không sử dụng được hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thông báo với cơ quan thuế để hỗ trợ xử lý sự cố. Trong thời gian xử lý sự cố người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có yêu cầu sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì đến cơ quan thuế để sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế.

12. Xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin về hóa đơn

Cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử được Tổng cục Thuế xây dựng phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Tổng cục Thuế có trách nhiệm xử lý thông tin, dữ liệu trước khi được tích hợp và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu quốc gia để đảm bảo tính hợp lý, thống nhất. Tổng cục Thuế có trách nhiệm quản lý hệ thống thông tin về hóa đơn điện tử.

13. Về tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Căn cứ các nội dung đã được quy định tại Nghị định 119, Thông tư số 68/2019/TT-BTC hướng dẫn cụ thể điều kiện đối với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử:

Về chủ thể: có tối thiểu 05 năm hoạt động trong lĩnh vực CNTT, đã triển khai hệ thống, ứng dụng CNTT cho tối thiểu 10 tổ chức, đã triển khai hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử giữa các chi nhánh của doanh nghiệp hoặc giữa các tổ chức với nhau.

Về tài chính: có cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với giá trị trên 5 tỷ đồng.

Về nhân sự: có tối thiểu 20 nhân viên kỹ thuật trình độ đại học chuyên

ngành về công nghệ thông tin, có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu; có nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi, kiểm tra 24h trong ngày và 7 ngày trong tuần.

Về kỹ thuật: có hệ thống thiết bị, kỹ thuật dự phòng đặt tại trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20km sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố.

Kết nối trao đổi dữ liệu hóa đơn điện tử với cơ quan thuế phải đáp ứng yêu cầu:

+ Kết nối với cơ quan thuế thông qua kênh thuê riêng hoặc kênh MPLS VPN Layer 3, gồm 1 kênh truyền chính và 2 kênh truyền dự phòng. Mỗi kênh truyền có băng thông tối thiểu 10 Mbps.

+ Sử dụng dịch vụ Web (Web Service) hoặc Message Queue (MQ) có mã hóa làm phương thức để kết nối.

+ Sử dụng giao thức SOAP để đóng gói và truyền nhận dữ liệu.

14. Về hiệu lực thi hành

- Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/11/2019.

- Từ ngày Thông tư 68/2019/TT-BTC có hiệu lực thi hành đến ngày 31/10/2020, các văn bản của Bộ Tài chính ban hành như Thông tư hướng dẫn về hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in, hóa đơn mua của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử và Quyết định về việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế vẫn có hiệu lực thi hành, cụ thể:

+ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

+ Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01/12/2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;

+ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính);

+ Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, Quyết định số 526/QĐ-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

+ Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc gia hạn thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015;

+ Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính).

- Từ ngày 01/11/2020, các Thông tư, Quyết định của Bộ Tài chính nêu trên hết hiệu lực thi hành.

- Từ ngày 01/11/2020, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư 68/2019/TT-BTC.

15. Về xử lý chuyển tiếp

a) Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và Thông tư số 68/2019/TT-BTC nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính mà có sai sót thì:

- Người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót và thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP.

- Người bán lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập (theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính) có sai sót.

- Người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

b) Trong thời gian từ 1/11/2018 đến 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP và Thông tư số 68/2019/TT-BTC, nếu cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo các hình thức nêu trên thì cơ sở kinh doanh thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế xây dựng dữ liệu hóa đơn của các cơ sở kinh doanh để đưa vào cơ sở dữ liệu hóa đơn và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu hóa đơn.

c) Đối với tổ chức sự nghiệp công lập (cơ sở giáo dục công lập, cơ sở y tế công lập) đã sử dụng Phiếu thu tiền thì tiếp tục sử dụng Phiếu thu tiền đã sử dụng.

Trường hợp cơ quan thuế thông báo chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế:

- Nếu tổ chức sự nghiệp công lập (cơ sở giáo dục công lập, cơ sở y tế công lập) chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng Hóa đơn kèm Phiếu thu tiền hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì thực hiện chuyển dữ

liệu hóa đơn cho cơ quan thuế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng.

- Nếu đáp ứng các điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin thì tổ chức sự nghiệp công lập (cơ sở giáo dục công lập, cơ sở y tế công lập) đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 8, Điều 13 Thông tư số 68/2019/TT-BTC. //